



Ký bởi: Tổng Công Ty
Bảo Đảm An Toàn Hàng
Hải Miền Nam
Ký ngày: 25.03.2022
14:33:43

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 68 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 3 năm 2022



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải
lớn vào sông Hậu

TVH - 11 - 2022

Vùng biển: tỉnh Trà Vinh.

Tên luồng: luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

Căn cứ Bình đồ độ sâu, ký hiệu từ TTLSH_2203_01 đến TTLSH_2203_34 tỷ lệ 1/2000 đo đạc hoàn thành tháng 3/2022, các tài liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ".

1. Đoạn luồng biển: đoạn từ phao BHHH số "0" đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số "9", "12") có chiều dài 7,7 km như sau:

- Đoạn từ phao BHHH số "0" đến cặp phao BHHH số "7", "10" - 200 m, chiều rộng đáy luồng 150 m, chiều dài 6,5 km như sau:

+ Đoạn từ phao BHHH số "0" đến phao BHHH số "1" + 270 m, chiều dài khoảng 1,6 km, độ sâu đạt 6,5 m.

+ Đoạn từ phao BHHH số "1" + 270 m đến phao BHHH số "8" - 100 m, chiều dài khoảng 3,5 km, độ sâu đạt 4,1 m.

+ Đoạn từ phao BHHH số "8" - 100 m đến cặp phao BHHH số "7", "10" - 200 m, chiều dài khoảng 1,4 km, độ sâu đạt 1,9 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu giữa tim luồng đạt 3,0 m.

- Đoạn từ cặp phao BHHH số "7", "10" - 200 m đến cặp đăng tiêu số "9", "12", chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, chiều dài 1,2 km, độ sâu đạt 2,1 m nằm sát biên luồng trái, độ sâu giữa tim luồng đạt 4,8 m.

2. Đoạn luồng Kênh Tắt: đoạn từ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số "9", "12") đến ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, chiều dài 8,7 km như sau:

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số "9", "12" đến đăng tiêu "17" + 1370 m, chiều dài khoảng 7,9 km, độ sâu đạt 4,7 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu giữa tim luồng đạt 6,5 m.

- Đoạn từ đăng tiêu số “17” + 1370 m đến ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt, chiều dài khoảng 0,8 km, độ sâu đạt 0,7 m nằm sát biên luồng trái, độ sâu giữa tim luồng đạt 4,2 m.

3. Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó: từ ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt đến ngã ba sông Hậu kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “46”), chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 85 m, chiều dài khoảng 20,0 km như sau:

- Đoạn từ ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt đến đăng tiêu “25”, chiều dài khoảng 6,7 km, độ sâu đạt 4,1 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu giữa tim luồng đạt 5,2 m.

- Đoạn từ đăng tiêu “25” đến phao BHHH số “39A” + 130 m, chiều dài khoảng 12,8 km, độ sâu đạt 3,0 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu giữa tim luồng đạt 4,7 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “39A” + 130 m đến ngã ba sông Hậu kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “46”), chiều dài khoảng 0,5 km, độ sâu đạt 0,5 m (nằm trên “số 0 hải đồ”) sát biên phải luồng, độ sâu giữa tim luồng đạt 5,2 m.

4. Đoạn luồng sông Hậu: từ ngã ba sông Hậu kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “46”) đến thượng lưu cặp phao BHHH số “57”, “64” (khu vực giao với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu), chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 95 m, chiều dài khoảng 16,2 km như sau:

- Đoạn từ ngã ba sông Hậu kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao BHHH số “46”) đến phao BHHH số “46” + 500 m, chiều dài khoảng 0,5 km, độ sâu đạt 2,7 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu giữa tim luồng đạt 6,7 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “46” + 500 m đến phao BHHH số “43” + 70 m, chiều dài khoảng 2,9 km, độ sâu đạt 5,7 m, độ sâu giữa tim luồng đạt 6,4 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “43” + 70 m đến khu vực giao với luồng hàng hải Định An – Sông Hậu, chiều dài khoảng 12,8 km, độ sâu đạt 6,5 m.

5. Khu nước tránh tàu: Gồm 02 khu nước tránh tàu thuộc khu vực đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó, chiều rộng khu nước 50 m, chiều dài khu nước 600 m như sau:

- Khu nước tránh trú tàu 1: tại phía phải luồng, khu vực đăng tiêu số “19” và đăng tiêu số “24”, độ sâu đạt 5,5 m.

- Khu nước tránh trú tàu 2: tại phía phải luồng, khu vực từ cặp đăng tiêu số “29”, “34” đến cặp đăng tiêu số “31”, “36”, độ sâu đạt 0,6 m nằm sát biên phải luồng khu nước tránh trú tàu.

6. Chương ngại vật trên luồng: các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên luồng trong khu vực từ cặp đăng tiêu số “19”, “24” đến cặp đăng tiêu số “35”, “40”, lún luồng xa nhất khoảng 41 m và khu vực phao BHHH số “47” - 180 m đến phao BHHH số “49” + 850 m lún luồng xa nhất khoảng 25 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải

dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các dải độ sâu và chương ngại vật tại các khu vực nêu trên tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV V;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH^{Nhiên}.

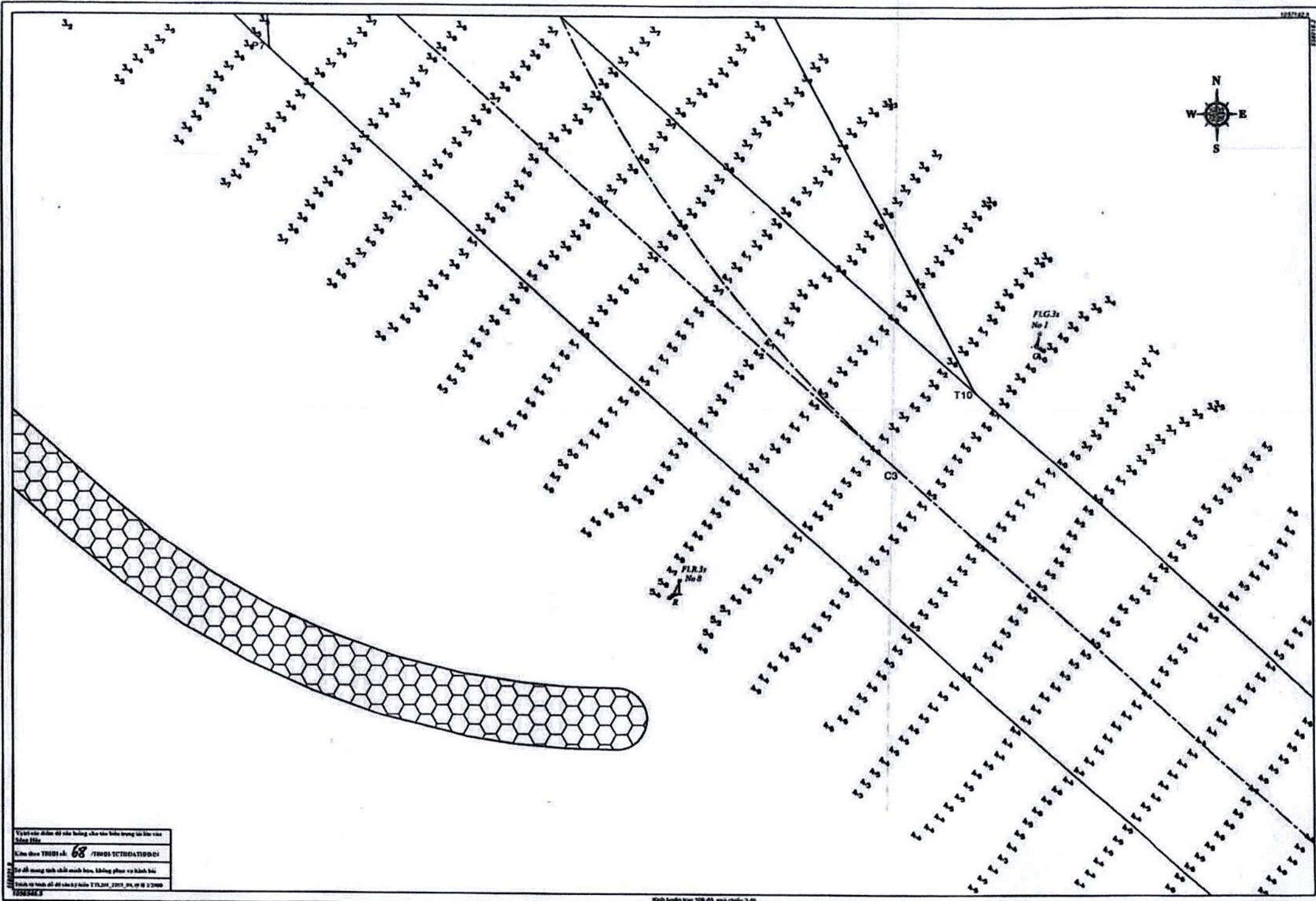
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

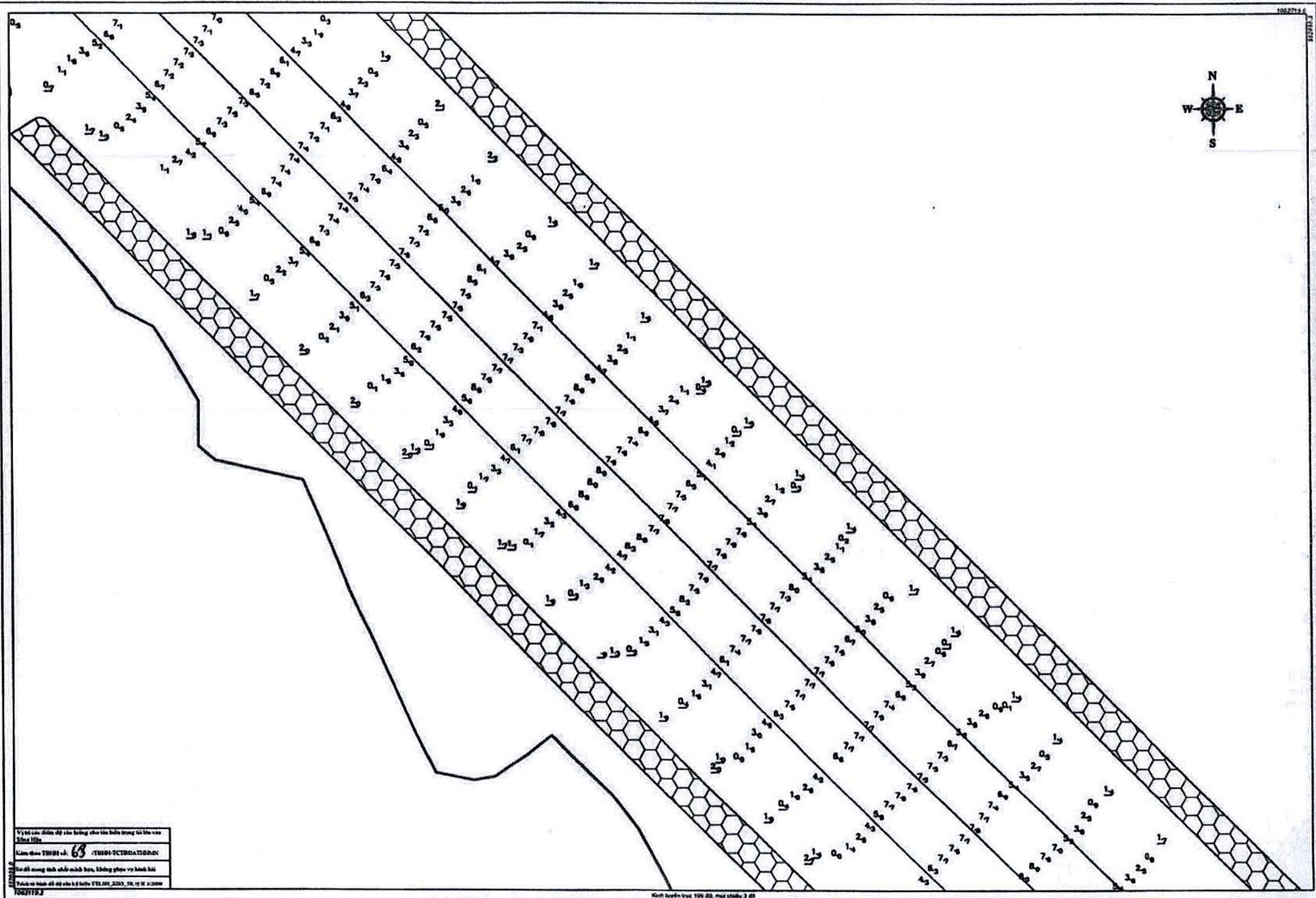


Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo.

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 18 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 19 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh
- 24 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 25 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Trà Vinh
- 26 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Trà Vinh
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam





tỉnh Trà Vinh
Tra Vinh province
huyện Duyên Hải
Duyen Hai district
xã Long Toàn
Long Toan commune



FLG.3s
No 21

Obim

đáy cát

đáy cát

đáy cát

đáy cát

đáy cát

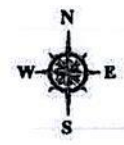
FLR.3s
No 26

KÊNH QUAN CHÁNH BỐ
QUAN CHANH BO CANAL

huyện Duyên Hải
Duyen Hai district
xã Long Khánh
Long Khanh commune

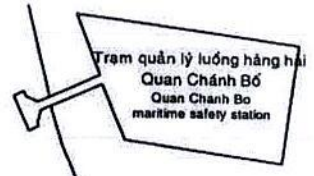
Vị trí của điểm đo vào bảng của tài liệu trong tài liệu của
Sông Hô
Khu vực TH01 số 68 /TH01-TCR040000N
Số đo mang tính chất tham khảo, không phải là hình ảnh
Tài liệu hình ảnh đã được xử lý theo TSLN, F00, 03, 07 và 07000

1065442.7
732075

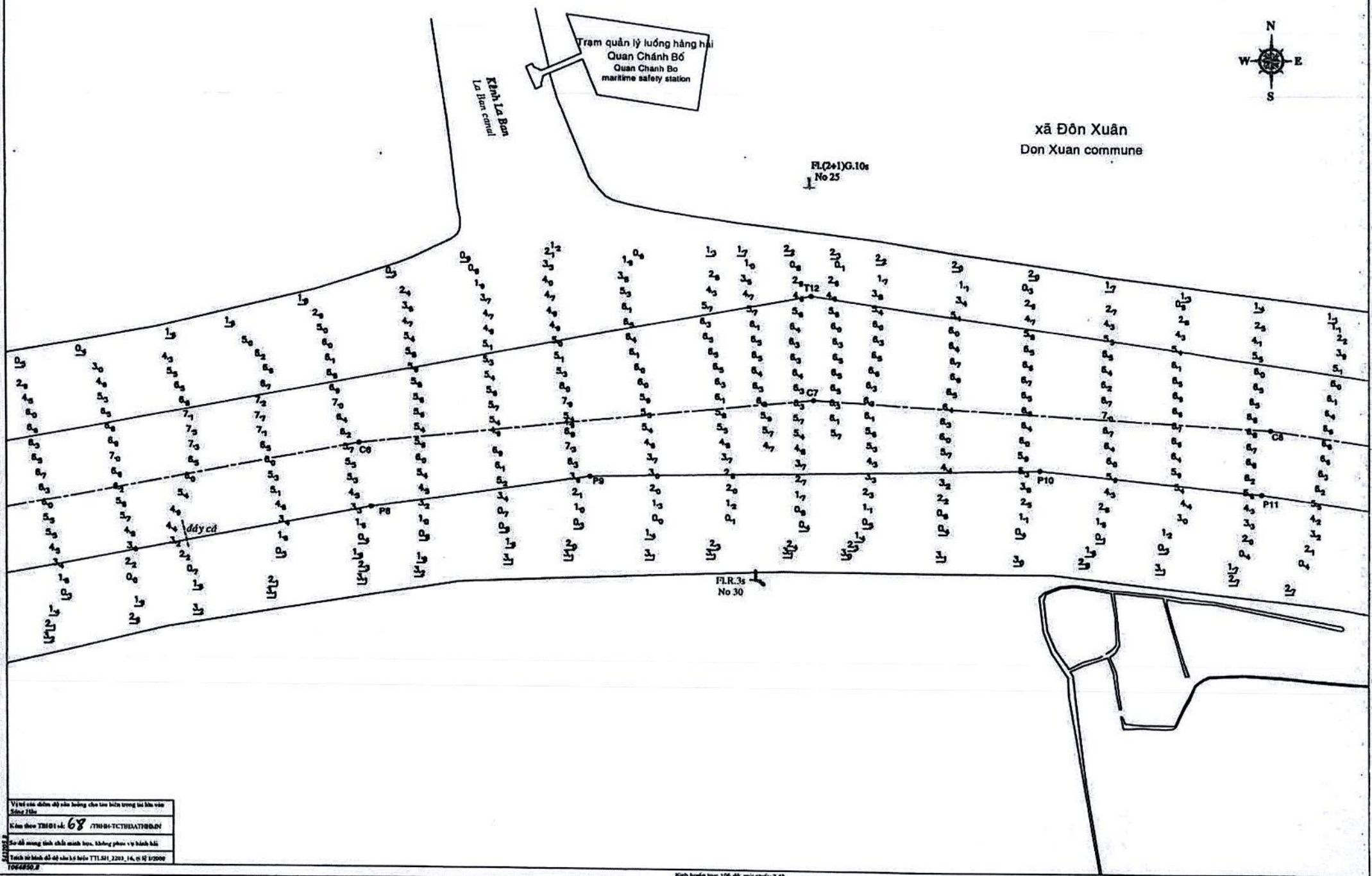


xã Đồn Xuân
Don Xuan commune

FL(2+1)G.10a
No 25



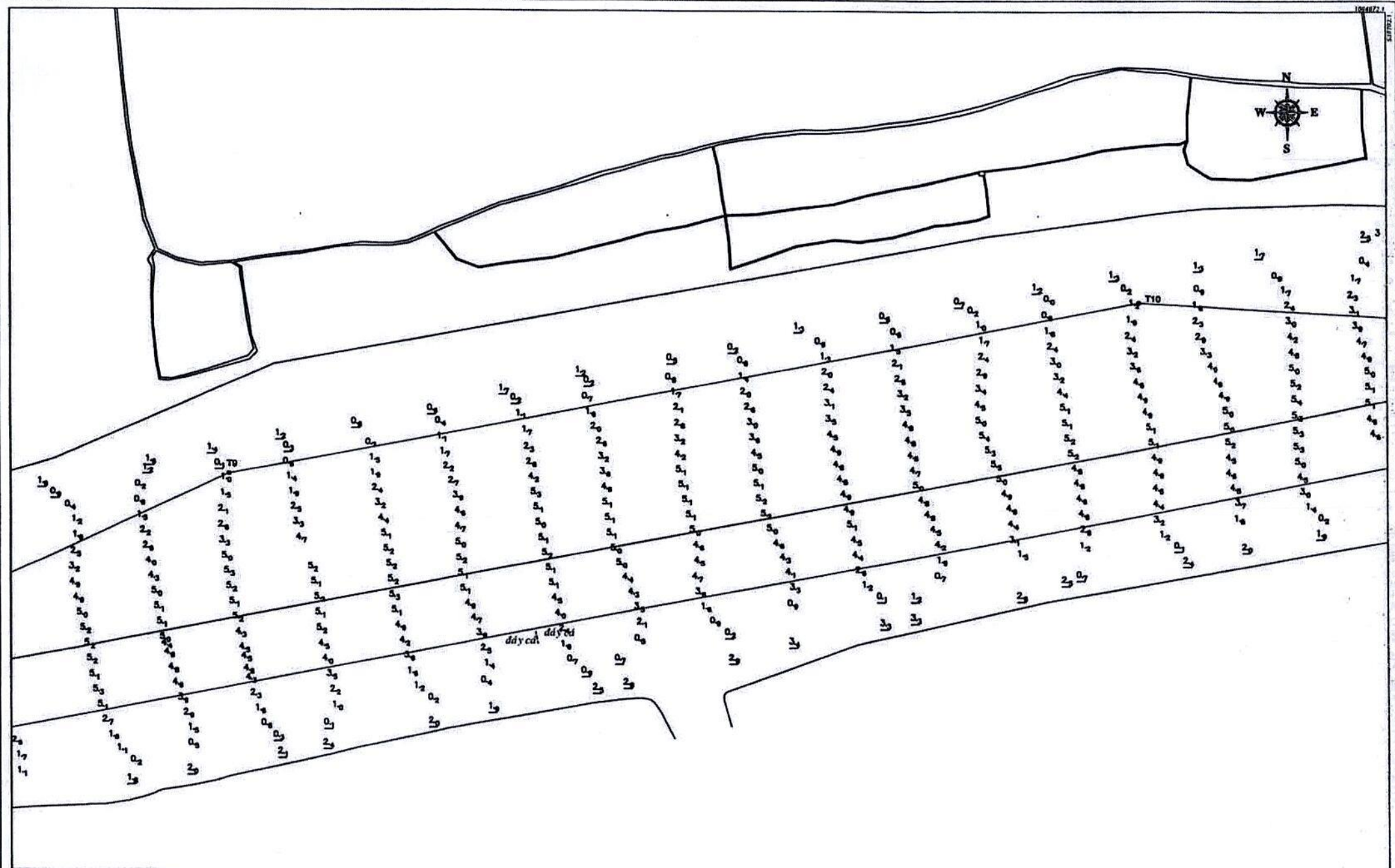
Kênh La Ban
La Ban canal



FLR.3s
No 30

Vị trí của đèn đã nêu bằng cho tàu biển trong tài liệu này
Số 218
Kèm theo TMS 01 số 68 /730-S4-TCTHDA/TTHB-DV
Số đã mang tính chất minh họa, không phải là hình ảnh
Tách từ hình đã số của bộ bản T11.01/2203/14, từ ngày 1/2008
1064850.8

Hình biểu trực 106 độ, mũi chiều 3 độ



Vị trí các điểm đo của bảng cho tên bản trong sơ đồ của
 Bản đồ

Khu vực: 68 / TH04-TCBDA1000V

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành chính

Tính từ kinh độ địa dư của Việt Nam 104° 14' 11" E, vĩ độ 16° 10' 00" N

1044075.3



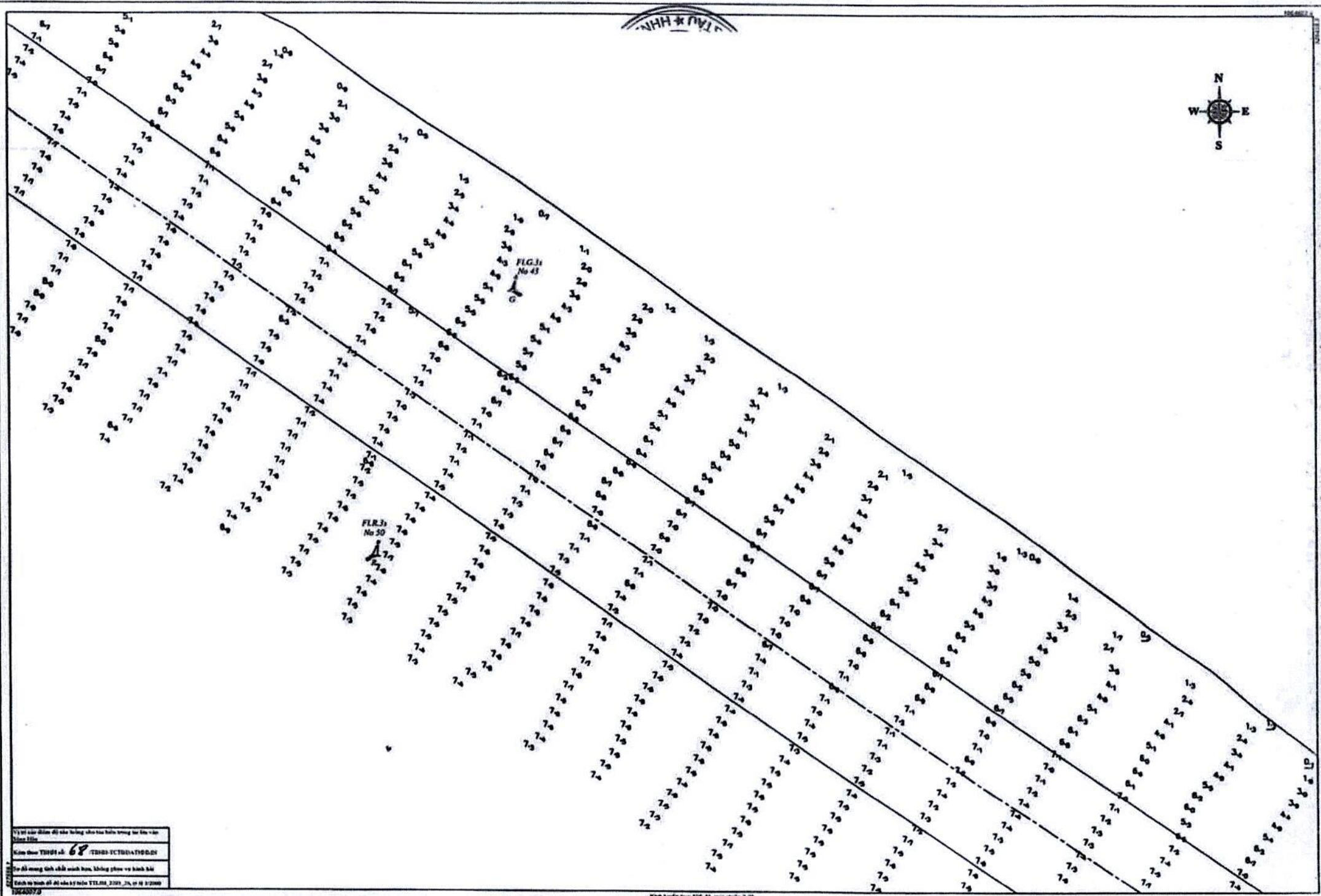


FIG.31
No 43

FIG.31
No 50

1/1 tỷ lệ của bản đồ của hàng hóa của tàu biển trong các khu vực
Khu vực
Khu vực THỜI 1.6 THỜI 1.6 THỜI 1.6 THỜI 1.6
Tỷ lệ của hàng hóa của tàu biển trong các khu vực
Khu vực THỜI 1.6 THỜI 1.6 THỜI 1.6 THỜI 1.6
Tỷ lệ của hàng hóa của tàu biển trong các khu vực
Khu vực THỜI 1.6 THỜI 1.6 THỜI 1.6 THỜI 1.6